

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 244/2016/QĐ-UBND

*Bắc Giang, ngày 29 tháng 4 năm 2016*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư  
bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và Chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 20/TTr-SKHĐT ngày 15 tháng 3 năm 2016,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 330/2012/QĐ-UBND ngày 09/10/2012 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành quy định trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp của tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 19/2013/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của UBND tỉnh về việc thuê và cho thuê nhà xưởng đối với các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 3.** Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Linh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY ĐỊNH**

### **Trình tự, thủ tục thực hiện các dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Kèm theo Quyết định số 244/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016  
của UBND tỉnh Bắc Giang)*

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định về suất đầu tư tối thiểu và ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư; trình tự, thủ tục quyết định, điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; triển khai dự án đầu tư bên ngoài các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang.

2. Quy định này không áp dụng đối với các dự án đầu tư theo hình thức PPP và các dự án sử dụng vốn nhà nước.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài; người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi là nhà đầu tư) khi tiến hành hoạt động đầu tư tại tỉnh Bắc Giang.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Các khu vực địa bàn đầu tư trong Quy định này được quy định như sau:

a) Khu vực I (KV1): Bao gồm các phường thuộc thành phố Bắc Giang.

b) Khu vực II (KV2): Bao gồm các xã thuộc thành phố Bắc Giang và các huyện: Lạng Giang; Lục Nam (trừ các xã quy định tại Khu vực III); Yên Dũng; Việt Yên; Tân Yên và Hiệp Hoà.

c) Khu vực III (KV3): Bao gồm các huyện: Yên Thế; Lục Ngạn; Sơn Động và các xã: Lục Sơn, Bình Sơn, Vô Tranh, Trường Sơn và Trường Giang của huyện Lục Nam.

2. *Suất đầu tư* là số vốn đầu tư trên một đơn vị diện tích được tính bằng tổng vốn đầu tư chia cho tổng diện tích đất của dự án (tính theo đơn vị tỷ đồng/ha).

3. *Suất đầu tư tối thiểu chung* là suất đầu tư thấp nhất các nhà đầu tư phải đáp ứng khi thực hiện dự án trong các lĩnh vực đầu tư.

4. *Suất đầu tư tối thiểu* là suất đầu tư thấp nhất các nhà đầu tư phải đáp ứng khi thực hiện dự án trong các lĩnh vực đầu tư thuộc các khu vực quy định tại Khoản 1 Điều này.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH VỀ SUẤT ĐẦU TƯ TỐI THIỂU VÀ KÝ QUỸ BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN**

#### **Điều 4. Suất đầu tư tối thiểu**

1. Khi nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án, trong đó có đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư thì phải đáp ứng quy định về suất đầu tư tối thiểu theo Quy định này.

2. Suất đầu tư tối thiểu áp dụng cho từng lĩnh vực đầu tư và địa bàn cụ thể, và được tính theo công thức:  $I = I_c \times K_v$

Trong đó: I: Suất đầu tư tối thiểu/ha

$I_c$ : Suất đầu tư tối thiểu chung/ha

$K_v$ : Hệ số điều chỉnh theo vùng (Khu vực I:  $K_v = 1$ ; Khu vực II:  $K_v = 0,8$ ; Khu vực III:  $K_v = 0,7$ )

3. Suất đầu tư tối thiểu chung được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

#### **Điều 5. Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư**

1. Nhà đầu tư phải ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp được nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trừ các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (gọi tắt là Nghị định số 118/2015/NĐ-CP).

2. Việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với nhà đầu tư. Nhà đầu tư thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyên mục đích sử dụng đất.

3. Mức ký quỹ được thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. Nhà đầu tư được giảm tiền ký quỹ theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 6, Điều 27, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

4. Tiền ký quỹ được nộp vào tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư mở tại ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

5. Việc hoàn trả hoặc thu hồi tiền ký quỹ được thực hiện theo quy định tại khoản 8, khoản 9, Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

## **Chương III**

### **THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

#### **Mục 1**

### **THỦ TỤC, TRÌNH TỰ QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 6. Các trường hợp phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư**

1. Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 30, Điều 31 Luật Đầu tư.

2. Dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh quy định tại Điều 32, Luật Đầu tư.

3. Các dự án không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các dự án của các doanh nghiệp Nhà nước Trung ương đã sử dụng đất từ trước ngày 01/7/2004 nhưng đến nay làm thủ tục thuê đất thì không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư.

### **Điều 7. Thủ tục, trình tự quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh**

#### 1. Hồ sơ thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 33 Luật Đầu tư, kèm theo bản đồ thể hiện vị trí khu đất, thửa đất xin đầu tư (Bản đồ hiện trạng hoặc trích lục quy hoạch xây dựng (nếu có)).

#### 2. Trình tự thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư

a) Nhà đầu tư thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ theo quy định, trong đó có 01 bộ gốc về Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ nếu hồ sơ chưa hợp lệ. Nếu hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xin ý kiến các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố (gọi chung là các đơn vị) có liên quan.

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản xin ý kiến các đơn vị có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị được xin ý kiến kiểm tra thực tế vị trí đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu thấy cần thiết).

d) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản xin ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các đơn vị được xin ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến về các nội dung có liên quan do đơn vị quản lý. UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm cung cấp trích lục bản đồ quy hoạch sử dụng đất vị trí đăng ký đầu tư của nhà đầu tư cùng với văn bản tham gia ý kiến.

Quá thời hạn được xin ý kiến, nếu các đơn vị được hỏi ý kiến không có ý kiến trả lời thì coi như đồng ý với đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của nhà đầu tư và phải chịu trách nhiệm về các nội dung được xin ý kiến.

đ) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết thời hạn xin ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh xem xét chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc (đối với dự án không phải xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy), 05 ngày làm việc (Đối với dự án thuộc diện xin ý kiến Thường trực Tỉnh ủy), 07 ngày làm việc (Đối với dự án thuộc diện xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy) kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh xem xét quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận chủ trương đầu tư dự án.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo cho nhà đầu tư về thủ tục ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đối với các trường hợp phải ký quỹ theo quy định.

**Điều 8. Các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 36 Luật Đầu tư.

**Điều 9. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư**

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh theo quy định tại Điều 7 Quy định này, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, nghị quyết về chủ trương đầu tư của Quốc hội theo quy định tại Điều 34, Điều 35 Luật Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

**Điều 10. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư**

1. Nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 1, Điều 33 Luật Đầu tư tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều này trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, theo trình tự sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, nếu nội dung hồ sơ chưa hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản yêu cầu nhà đầu tư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ, trong đó nêu rõ các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung.

Trường hợp nội dung hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xin ý kiến các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố có liên quan (*nếu thấy cần thiết*).

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản xin ý kiến, các đơn vị được xin ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư về các nội dung có liên quan do đơn vị quản lý.

Quá thời hạn được xin ý kiến, nếu các đơn vị được hỏi ý kiến không có ý kiến

trả lời thì coi như đồng ý với đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án của nhà đầu tư và phải chịu trách nhiệm về các nội dung được xin ý kiến.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn xin ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

## Mục 2

### **THỦ TỤC, TRÌNH TỰ ĐIỀU CHỈNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ**

#### **Điều 11. Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư**

1. Nhà đầu tư phải thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư trong các trường hợp quy định tại khoản 1, Điều 34, Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 36 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

3. Trình tự thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư:

a) Đối với các dự án thuộc diện quyết định chủ trương của UBND tỉnh: Thực hiện theo trình tự quy định tại Khoản 2, Điều 7 Quy định này.

b) Đối với các dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

#### **Điều 12. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư**

1. Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư, nhà đầu tư nộp văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư cho Sở Kế hoạch và Đầu tư kèm theo tài liệu liên quan đến việc thay đổi tên, địa chỉ của nhà đầu tư hoặc tên dự án đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư (nếu có), nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Điều 33 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp hoặc từ chối điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

**Điều 13. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư**

1. Trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện của dự án đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có), nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

2. Căn cứ quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư theo tại khoản 1, Điều này, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư.

3. Trường hợp điều chỉnh các nội dung không thuộc quy định tại khoản 1, Điều này, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tương ứng tại Điều 12 Quy định này.

**Điều 14. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư**

1. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư:

a) Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP CP tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

2. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Nhà đầu tư chuyển nhượng dự án đầu tư nộp 04 bộ hồ sơ theo quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP CP tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư theo trình tự quy định tại Khoản 2, Điều 7 Quy định này.

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư.

3. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 37 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

4. Thủ tục thay đổi nhà đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư và không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

## **Chương IV** **TRIỂN KHAI DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

### **Điều 15. Giao đất, cho thuê đất**

1. Đối với các dự án có nhu cầu sử dụng đất, nhà đầu tư lập hồ sơ đề nghị giao đất, cho thuê đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để được xem xét giao đất, cho thuê đất.

Đối với các dự án thuộc lĩnh vực thương mại, dịch vụ đầu tư vào các vị trí có lợi thế thương mại tại các thị trấn của các huyện, thành phố Bắc Giang thì hình thức cho thuê đất đối với các nhà đầu tư là nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần.

2. Trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định tại Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2014 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về trình tự, thủ tục khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **Điều 16. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường**

1. Các dự án đầu tư thuộc diện phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, nhà đầu tư phải thực hiện lập, trình thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Các dự án thuộc diện phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, nhà đầu tư phải thực hiện lập, trình cấp có thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án vào hoạt động.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

### **Điều 17. Thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy**

1. Nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án thuộc diện phải thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (sau đây gọi tắt là Nghị định số 79/2014/NĐ-CP) phải thực hiện thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy trước khi cấp Giấy phép xây dựng.



Thành phần, số lượng hồ sơ, thời gian thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

2. Dự án đầu tư thuộc diện phải thiết kế và thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được cơ quan cảnh sát về phòng cháy chữa cháy nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy trước khi đi vào hoạt động. Trình tự thực hiện việc nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

3. Nhà đầu tư khi triển khai thực hiện dự án thuộc diện thông báo đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Phụ lục III Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, trước khi đưa vào sử dụng, nhà đầu tư phải có văn bản thông báo với cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy. Hồ sơ, trình tự thực hiện thông báo đảm bảo các điều kiện an toàn về phòng cháy chữa cháy thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

### **Điều 18. Quy hoạch chi tiết xây dựng và cấp Giấy phép xây dựng**

#### **1. Quy hoạch chi tiết xây dựng**

Dự án đầu tư phải phù hợp với quy hoạch xây dựng được phê duyệt. Đối với khu vực chưa có quy hoạch chi tiết được duyệt, sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết xây dựng trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt làm cơ sở thực hiện dự án đầu tư. Trường hợp dự án có quy mô nhỏ hơn 5 ha, nhà đầu tư không nhất thiết phải lập quy hoạch chi tiết mà có thể lập quy hoạch tổng mặt bằng để xác định ranh giới khu đất, các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đấu nối hạ tầng kỹ thuật với khu vực xung quanh trình Sở Xây dựng xem xét, chấp thuận.

#### **2. Thẩm định thiết kế xây dựng công trình**

Thiết kế xây dựng (bao gồm: thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật đối với trường hợp thiết kế 3 bước, thiết kế bản vẽ thi công đối với trường hợp thiết kế 2 bước) của công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng (gọi tắt là Nghị định 46/2015/NĐ-CP), Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ Quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường phải được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định theo quy định của pháp luật về xây dựng.

Nhà đầu tư phải gửi hồ sơ thiết kế xây dựng đến cơ quan chuyên môn về xây dựng theo phân cấp tại điểm a, điểm b, khoản 5 Điều 10 và điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 26 Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng; khoản 4 Điều 43 và khoản 4 Điều 44 Quyết định số 486/2015/QĐ-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2015 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng trên địa bàn tỉnh Bắc

Giang (gọi tắt là Quyết định số 486/2015/QĐ-UBND) để thẩm định thiết kế xây dựng theo quy định.

### 3. Cấp Giấy phép xây dựng

a) Trước khi khởi công xây dựng công trình, nhà đầu tư phải có Giấy phép xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 89 Luật Xây dựng.

b) Thành phần, số lượng hồ sơ; quy trình và thời gian cấp Giấy phép xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 95, 96, 102, 103 của Luật Xây dựng và Quyết định số 486/2015/QĐ-UBND.

### 4. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng

a) Các công trình quy định tại khoản 2 Điều này phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP, khoản 3 Điều 43 và khoản 3 Điều 44 Quyết định số 486/2015/QĐ-UBND kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành công trình;

b) Nội dung và trình tự kiểm tra được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

## **Điều 19. Giãn tiến độ đầu tư**

1. Đối với dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư, nhà đầu tư phải đề xuất bằng văn bản cho cơ quan đăng ký đầu tư khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư (Văn bản đề xuất giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu I.9 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam).

### 2. Trình tự thực hiện thủ tục giãn tiến độ đầu tư

a) Nhà đầu tư nộp văn bản đề xuất giãn tiến độ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này tại bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giãn tiến độ đầu tư của nhà đầu tư.

## **Điều 20. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

Thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

## **Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 21. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

#### 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các cơ quan có liên quan cung cấp thông tin về địa điểm đầu tư cho nhà đầu tư (khi nhà đầu tư có đề nghị).

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư của nhà đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các thủ tục có liên quan khác theo quy định của Luật Đầu tư và Quy định này; gửi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố có liên quan;

c) Đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh xử lý các trường hợp nhà đầu tư đã ký quỹ đầu tư nhưng không triển khai dự án theo đúng tiến độ cam kết;

d) Định kỳ sáu tháng, hàng năm tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh việc tổ chức thực hiện Quy định này.

## 2. Sở Tài nguyên Môi trường

a) Chịu trách nhiệm về điều kiện Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư; cho ý kiến về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, danh mục các dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào mục đích khác; việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất; tác động của dự án tới môi trường;

b) Thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

c) Thực hiện ký hợp đồng thuê đất (đối với trường hợp thuê đất) thuộc thẩm quyền cho thuê đất của UBND tỉnh; chuyên thông tin địa chính sang cơ quan Thuế; cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; thông báo cho chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính; nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

d) Theo dõi việc sử dụng đất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; chủ trì, cùng các sở, ngành và UBND cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc sử dụng đất của người sử dụng đất; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra, xem xét việc chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất;

đ) Tham mưu UBND tỉnh thu hồi đất, tham gia phương án xử lý tài sản trên đất của những dự án vi phạm pháp luật về đất đai;

e) Lập hồ sơ xây dựng giá đất cụ thể trình Hội đồng thẩm định giá đất;

g) Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định;

h) Yêu cầu các nhà đầu tư thực hiện ký quỹ bảo đảm đầu tư trước khi trình UBND tỉnh giao đất, cho thuê đất theo quy định.

## 3. Sở Tài chính

a) Chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng hệ số điều chỉnh giá đất, trình UBND tỉnh ban hành hàng năm làm căn cứ để Cục Thuế tỉnh ban hành đơn giá thuê đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất trong trường hợp xác định giá đất cụ thể bằng phương pháp hệ số;

b) Xác định các khoản được trừ vào tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo đề nghị của nhà đầu tư, gửi Cục Thuế tỉnh tổng hợp xác định nghĩa vụ tài chính của nhà đầu tư;

c) Tham mưu, tổ chức thẩm định giá đất cụ thể cho Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường.

#### 4. Sở Xây dựng

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc cung cấp thông tin về địa điểm đầu tư cho nhà đầu tư;

b) Tham gia thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư về các nội dung có liên quan về quy hoạch xây dựng và các nội dung khác đối với đề xuất dự án đầu tư của nhà đầu tư thuộc lĩnh vực do ngành quản lý;

c) Cấp Giấy phép xây dựng và hướng dẫn UBND các huyện, thành phố trong việc cấp Giấy phép xây dựng cho các nhà đầu tư theo thẩm quyền.

#### 5. Văn phòng UBND tỉnh

a) Tiếp nhận hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư từ Sở Kế hoạch và Đầu tư trình UBND tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền;

b) Sao gửi quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án sau khi UBND tỉnh có quyết định chấp thuận tới các cơ quan, đơn vị có liên quan để theo dõi, quản lý các dự án;

c) Công bố công khai Quy định này trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

#### 6. Các sở, ban, ngành có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ và thẩm quyền phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc trong việc thẩm định trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và các thủ tục khác theo quy định của Luật Đầu tư và Quy định này.

### **Điều 22. Trách nhiệm của UBND các huyện, thành phố**

1. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin về địa điểm cho các nhà đầu tư và hỗ trợ các nhà đầu tư trong quá trình khảo sát lập dự án đầu tư.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư của nhà đầu tư và các thủ tục khác theo quy định của Luật Đầu tư và Quy định này.

3. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện các dự án đầu tư sau khi được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các nhà đầu tư trên địa bàn; đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư; kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc văn bản chấp thuận đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư) đối

với những dự án vi phạm theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan.

4. Định kỳ hàng quý báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan có liên quan về tình hình thực hiện các dự án được cấp phép đầu tư trên địa bàn. Thời gian thực hiện trước ngày 10 của tháng đầu quý tiếp theo.

#### **Điều 23. Trách nhiệm của nhà đầu tư**

1. Triển khai thực hiện dự án đầu tư, báo cáo về tình hình thực hiện dự án đầu tư theo đúng các quy định của Luật Đầu tư, pháp luật có liên quan và Quy định này.

2. Định kỳ hàng tháng, quý, hằng năm nhà đầu tư phải báo cáo tình hình thực hiện dự án về UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố (nơi thực hiện dự án).

#### **Điều 24. Quy định chuyển tiếp**

1. Đối với các dự án đầu tư đã được chấp thuận đầu tư, cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương trước ngày Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành khi điều chỉnh dự án đầu tư nhà đầu tư thực hiện thủ tục đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Điều 33, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Đối với các dự án đầu tư không thuộc diện quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật trước thời điểm Luật Đầu tư có hiệu lực thi hành nhưng thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP thì không phải thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư hoặc điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư khi điều chỉnh dự án đầu tư, trừ các trường hợp sau:

a) Mở rộng quy mô dự án đầu tư dẫn đến dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Đầu tư;

b) Bổ sung mục tiêu dự án đầu tư mà mục tiêu được bổ sung thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Điều 30 và Điều 31 Luật Đầu tư;

c) Điều chỉnh dự án đầu tư trong đó có bổ sung một trong các nội dung: Đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; đề nghị Nhà nước cho phép chuyển mục đích sử dụng đất hoặc đề nghị sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. Đối với trường hợp phải điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều này, nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tương ứng tại Mục 2, Chương III Quy định này.

**Điều 25. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước và các nhà đầu tư phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để hướng dẫn hoặc tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét giải quyết./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Linh**

**PHỤ LỤC**  
**SUẤT ĐẦU TƯ TỐI THIỂU CHUNG**

*(Kèm theo Quyết định số 244/2016/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang)*

TT	Lĩnh vực	Suất đầu tư tối thiểu chung (tỷ đồng/ha)	Ghi chú
<b>A</b>	<b>NÔNG NGHIỆP</b>		
1	Chăn nuôi gia súc, gia cầm	8	
2	Nuôi trồng thủy sản	3	
3	Trồng cây lâu năm	0,02	
4	Lĩnh vực nông nghiệp khác	2	
<b>B</b>	<b>CÔNG NGHIỆP</b>		
<b>I</b>	<b>Công nghiệp chế biến, chế tạo</b>		
1	Sản xuất, chế biến thực phẩm	20	
2	Sản xuất đồ uống	20	
3	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	22	
4	May mặc, dệt	20	
5	Sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu têt bện	15	
6	Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	25	
7	In, sao chép bản ghi các loại	25	
8	Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	22	
9	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	25	
10	Sản xuất kim loại	30	
11	Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	20	
12	Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học; sản xuất thiết bị điện, máy chuyên dụng, xe có động cơ và phương tiện vận tải	40	
13	Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	20	
<b>II</b>	<b>Chế biến khoáng sản</b>	18	Chỉ tính diện tích xây dựng nhà máy
<b>III</b>	<b>Công trình xây dựng chuyên dụng</b>		
1	Nhà máy sản xuất xi măng	50	
2	Nhà máy sản xuất gạch ốp lát Ceramic, Granit	40	

3	Nhà máy sản xuất gạch, ngói đất sét nung	17	
4	Nhà máy sản xuất sứ vệ sinh	25	
5	Nhà máy sản xuất kính xây dựng	30	
6	Nhà máy cấu kiện bê tông đúc sẵn và trạm trộn bê tông	20	
7	Công trình nhà xưởng và kho thông dụng	15	
8	Công trình nhà máy cấp nước	40	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực công nghiệp khác</b>	<b>22</b>	
<b>C</b>	<b>DỊCH VỤ</b>		
<b>I</b>	<b>Thương mại, vận tải</b>		
1	Trung tâm thương mại	30	
2	Dịch vụ vận tải, kho bãi	15	
3	Kinh doanh xăng dầu	16	
4	Đầu tư xây dựng chợ		
4.1	<i>Xây dựng chợ đô thị</i>	25	
4.2	<i>Xây dựng chợ nông thôn</i>	20	
<b>II</b>	<b>Dịch vụ du lịch</b>		
1	Du lịch sinh thái	22	Chỉ tính phần diện tích đất, mặt nước thuê
2	Khách sạn	80	
<b>III</b>	<b>Giáo dục và đào tạo</b>		
1	Giáo dục mầm non	15	
2	Giáo dục tiểu học, trung học	15	
3	Đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học	60	
4	Trung tâm đào tạo, dạy nghề	20	
<b>IV</b>	<b>Y tế</b>		
1	Bệnh viện < 100 giường	50	
2	Bệnh viện >= 100 giường	60	
<b>V</b>	<b>Dịch vụ khác</b>		
1	Dịch vụ thể thao	20	
2	Dịch vụ khác	25	